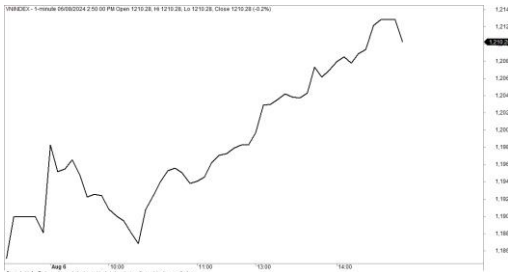


Diễn biến thị trường trong phiên

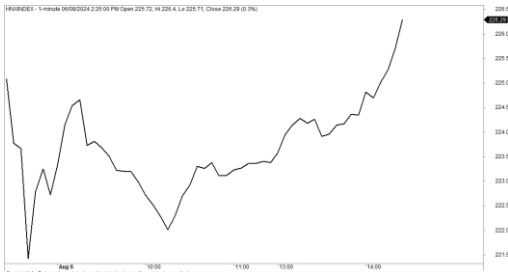
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,210.28	226.46	92.22
% ngày	1.87%	1.68%	1.58%
% tuần	-2.79%	-3.99%	-3.17%
% tháng	-5.67%	-6.54%	-6.15%
% năm	-1.28%	-6.58%	0.57%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	16,333	1,200	725
TB 1 tuần	19,072	1,422	1,052
TB 1 tháng	17,981	1,354	1,125
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	2,104.58	65.35	30.32
Bán	2,833.32	36.19	83.15
Giá trị ròng	-728.73	29.16	-52.83
Độ rộng TT			
Mã Tăng	300	128	158
Mã Giảm	49	56	167
Không Đổi	69	133	578
Chỉ số chính			
P/E	13.13	16.05	21.71
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	4,958	321	1,397
LS Cổ tức	1.70%	3.24%	4.84%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Phản ứng tích cực trước phiên hồi phục của chỉ số Nikkei 225 trong khi TTCK Mỹ tiếp tục suy yếu, TTCK Việt Nam hồi phục và giữ đà cho tới cuối phiên. Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên tại 1,210,88 điểm với mức tăng 1.87%, chỉ số HNX-Index tăng 1.68%, chỉ số Upcom-Index cộng thêm 1.58%. Giá trị giao dịch trên cả 3 sàn giảm mạnh so với phiên liền trước còn 18,258 tỷ đồng

BCM (5.19%), GVR (4.15%), MSN (3.83%), PLX (3.3%), POW (3.38), SSI (3.38%), STB (4.41%), TPB (3.27%), VNM (4.76%) là các cổ phiếu có mức tăng mạnh nhất trong chỉ số VN30-Index.

Về nhóm ngành, nhóm cổ phiếu Chứng khoán (HCM, VND, SSI, BSI), Thực phẩm (VNM, MSN), Thép (HPG, NKG, HSG), Bất động sản (DXG, NVL, PDR) có mức tăng tích cực.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 753 tỷ đồng trong đó VJC (354 tỷ), AGG (115 tỷ), FPT (114 tỷ) đứng đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, VNM (203 tỷ), DGC (50 tỷ), MSN (43 tỷ), dẫn đầu ở chiều mua ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đà hồi phục trong phiên kế tiếp và vùng kháng cự gần nhất của chỉ số VN-Index là 1,240 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang ở nhịp hồi phục kỹ thuật cho nên rủi ro ngắn hạn vẫn cao và thanh khoản vẫn có thể sẽ tiếp tục ở mức thấp. Lực cung dự kiến sẽ tăng dần trong phiên 07/08/2024 và thử thách lượng cổ phiếu giá thấp cho nên thị trường có thể sẽ còn giằng co gần vùng 1,200 – 1,210 điểm của chỉ số VN-Index. Điểm tích cực hiện nay là các chỉ số chính và cổ phiếu đang hình thành mô hình đảo chiều tăng giá, cùng với đó mức định giá thấp trong ngắn hạn là cơ sở kỳ vọng về vùng đáy ngắn hạn của thị trường.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp và không nên bán ra giai đoạn này. Đồng thời, nếu nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao thì vẫn có thể xem xét mua thăm dò với tỷ trọng thấp.

Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: <https://ysradar.yuanta.com.vn/>



BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1300	1330	870	800
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	TĂNG	260	306	189	160
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	1336	1350	980	960
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	TĂNG	1280	1250	963	900
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	1250	1250	804	750

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1210.28	1.87%
VN30	1252.81	1.68%
VN Mid	1802.46	2.69%
VN Small	1386.12	1.93%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	226.46	1.68%
HN30	486.26	2.54%
VNX AllSh	1248.85	1.99%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	92.22	1.58%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2104.58388	
Bán	2833.31685	
GT rỗng	-728.732973	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	65.35	
Bán	36.19	
GT rỗng	29.16	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	30.32	
Bán	83.15	
GT rỗng	-52.83	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSI	3000	6.93%
HNG	250	6.85%
DLG	110	6.79%
TCH	1100	6.75%
AGG	1500	6.74%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	2800	10.00%
CTP	800	9.41%
KSV	5100	8.84%
VHE	200	6.90%
BVS	2300	6.87%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MCH	347299949	3.96%
HNM	0	2.90%
DGT	37416200	2.15%
VGI	0	1.42%
DRI	36526222	0.98%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
QCG	-290	-4.71%
VPH	-400	-4.35%
HVH	-180	-2.05%
VGC	-800	-1.97%
DHC	-650	-1.74%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SJE	-2300	-8.30%
DHT	-3400	-5.04%
VFS	-500	-3.60%
CMS	-600	-3.12%
LIG	-100	-3.03%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HSV	-413	-11.47%
HMS	-2355	-7.88%
ACV	-5286	-4.87%
VHG	-85	-4.25%
HIO	-463	-3.56%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VCB	487,927,667	
BID	266,495,378	
GAS	177,537,990	
FPT	176,422,126	
HPG	168,221,380	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
IDC	19,469,996	
PVS	18,353,906	
HUT	14,726,447	
THD	13,397,999	
MBS	12,866,615	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	224,691,762	
VGI	190,168,192	
MCH	149,930,295	
BSR	68,294,705	
VEA	54,280,151	

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
TCB	25,516,500	12,523,682
HPG	20,427,400	20,400,449
SHB	19,237,904	22,954,151
MBB	19,194,500	26,466,637
SSI	17,136,000	11,790,298

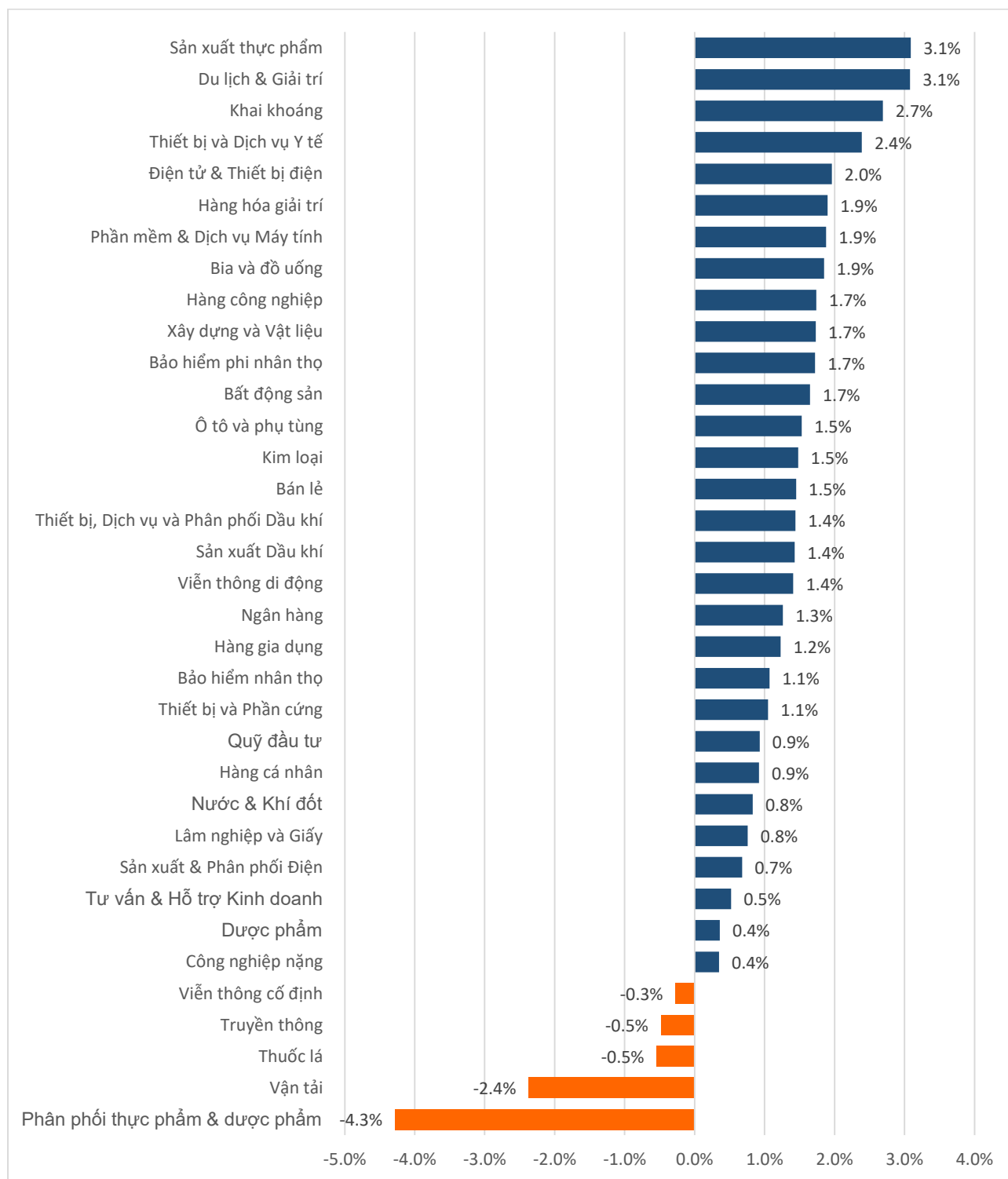
KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SHS	161,003,264,600	9,664,963
CEO	79,187,680,000	4,866,084
MBS	110,927,475,300	4,141,105
HUT	38,273,315,200	2,065,221
TNG	76,779,529,800	2,825,677

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
BSR	119,516,823,600	9,429,902
VHG	5,676,094,000	884,961
VGT	28,261,023,300	3,336,295
OIL	28,137,223,400	2,852,933
AAH	5,628,507,200	1,506,994

Nguồn: FinProX & YSVN



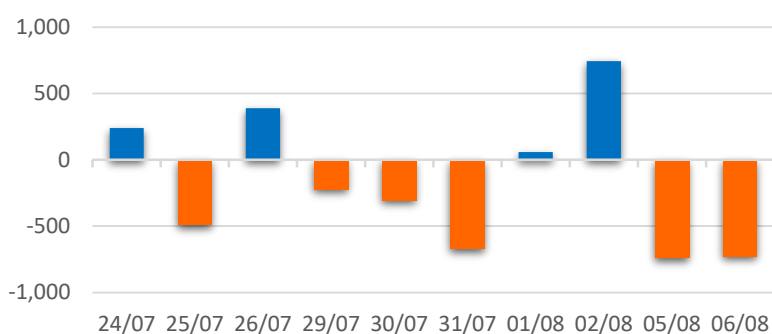
DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



Nguồn: FiinProX – YSVN

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

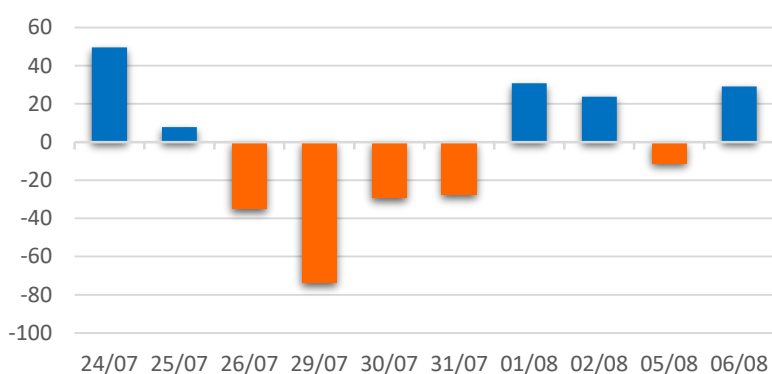
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	203,018	VJC	-356,925
DGC	50,873	AGG	-114,790
MSN	42,571	FPT	-113,811
HVN	39,171	MWG	-111,832
LPB	32,006	SSI	-70,284

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

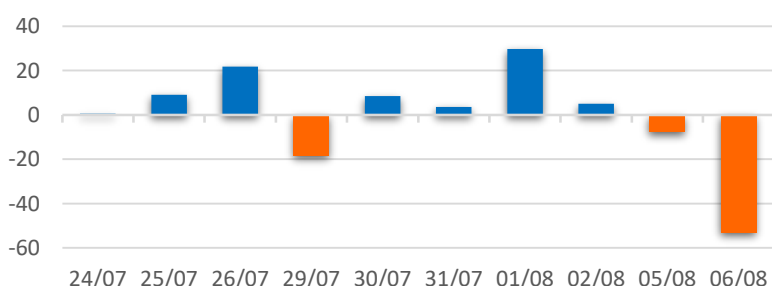
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
IDC	22,108	MBS	-2,927
PVS	16,868	BVS	-2,900
VTZ	896	VGS	-2,854
TVC	637	DTD	-1,803
VCS	624	HUT	-564

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MCH	7,896	ACV	-64,491
OIL	3,581	DGT	-695
VHG	427	GDA	-468
KLB	313	IFS	-118
FOC	192	NS2	-39

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinProX – YSVN

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
FPT	66,531	TCB	157,452
MBB	50,974	PNJ	154,502
E1VFN30	50,055	REE	72,504
HPG	40,515	GMD	60,058
MWG	38,002	VNM	49,182

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất trên HSX

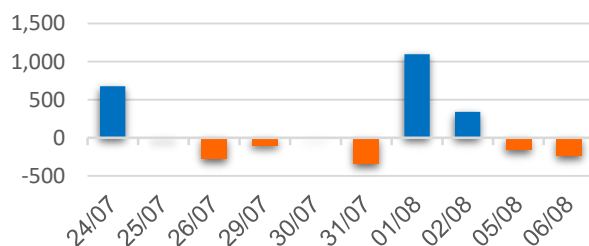
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	13,176	L18	343
TNG	5,329	IDC	304
PLC	2,402		
SHS	217		

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên HNX

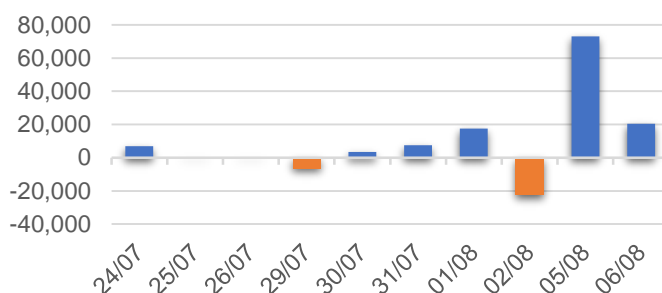
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ACV	2,768.46	QTP	1,442
		OIL	746
		GDA	517

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên UPCoM

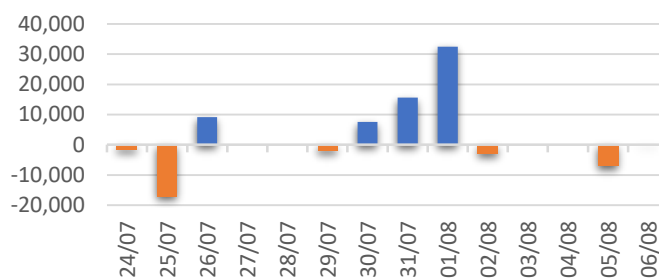
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng trên HSX (tỷ đồng)



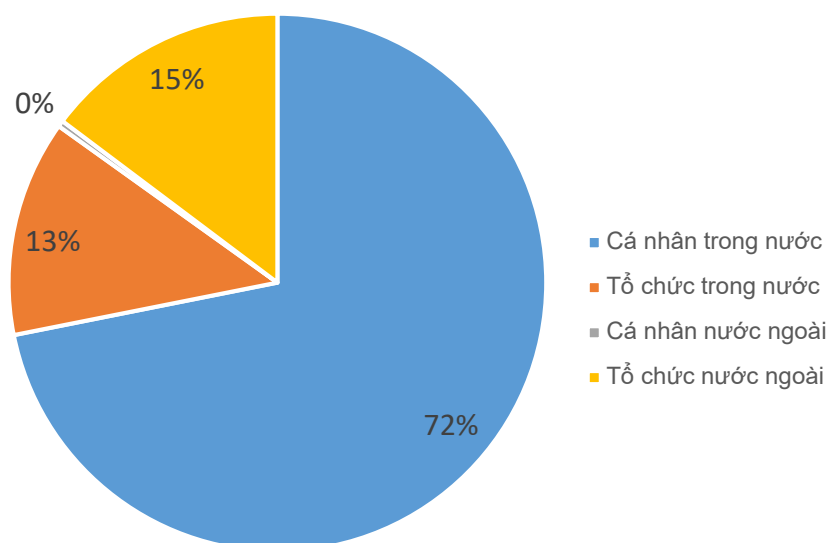
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng HNX (triệu đồng)



Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng UPCoM (triệu đồng)



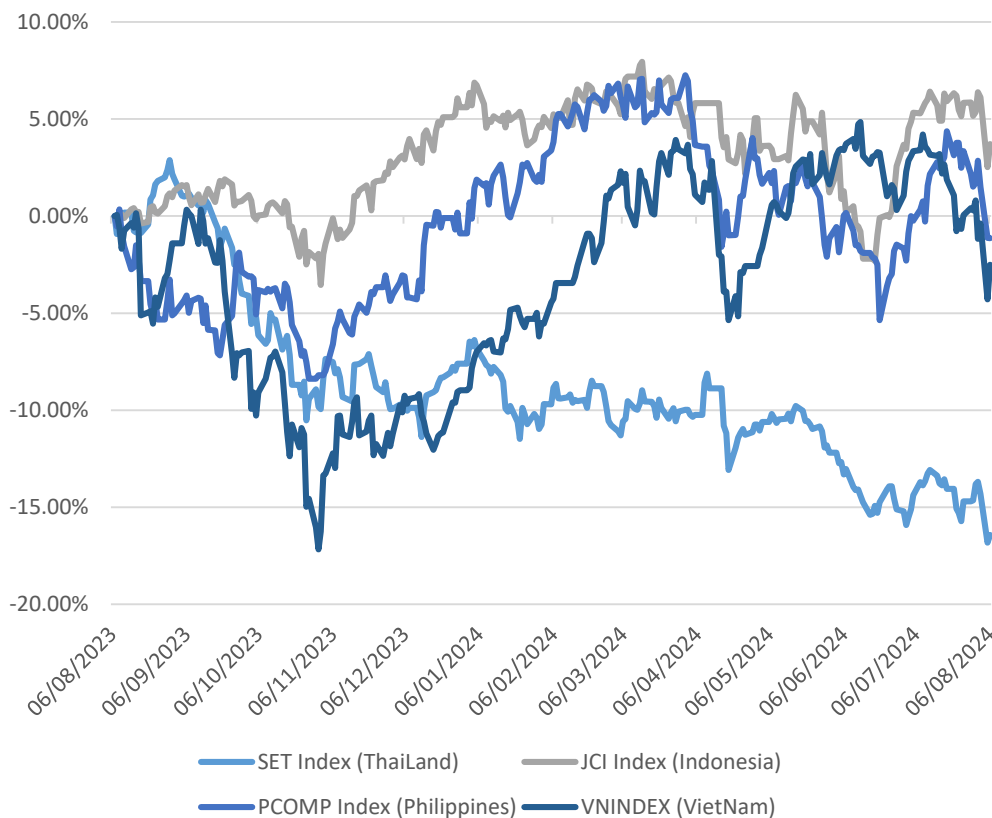
CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



Nguồn: FinProX – YSVN



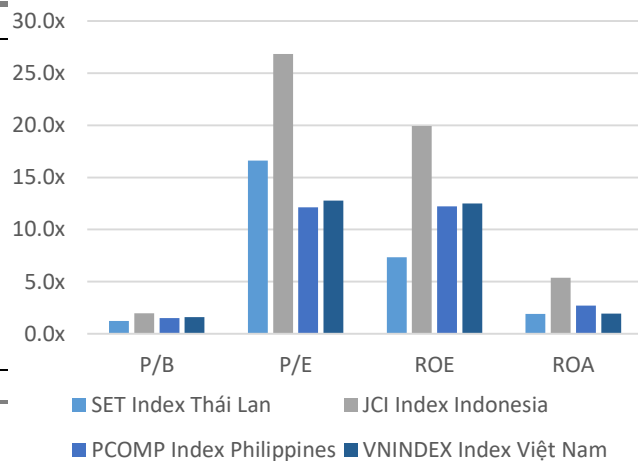
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.2x	2.0x	1.5x	1.6x
P/E		16.6x	26.8x	12.1x	12.8x
ROE	%	7.36	19.94	12.21	12.50
ROA	%	1.90	5.37	2.71	1.93
Vốn hóa	Tỷ USD	444.21	741.72	153.82	193.81
GTGD	Tỷ USD	1.56	0.77	0.08	0.84
LS cổ tức	%	3.65	3.41	2.87	1.77

Nguồn: Bloomberg & YSVN



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written